

Bản án số: 36/2026/HS-ST
Ngày 04-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Lương

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2026 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 103/TB-TA ngày 25 tháng 02 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Hồ Trần Tiến Đ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 14/10/2001 tại thành phố H; Căn cước công dân số 046201003171 cấp ngày 05/4/2022; Giới tính: Nam; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Phòng 202 Khu A, Chung cư K, tổ E, phường C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Hồ Huân (đã chết) và bà Trần Thị Yến D (sinh năm 1974); Gia đình có 02 anh em; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 53/2026/HSST-QĐ ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Đắc N; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29/3/2007 tại thành phố Đà Nẵng; Căn cước công dân số 048207004330 cấp ngày 03/7/2021; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Phòng 301 Khu A, Chung cư K, tổ E, phường C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 10/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông **Phạm Đắc Đ1** (sinh năm 1969) và bà **Nguyễn Thị Ánh H** (sinh năm 1977) đều còn sống; Gia đình có 04 anh em; bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 523/2026/HSST-QĐ ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1976; Địa chỉ: **Tổ C, phường C, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

2. Ông **Đào Đình C**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **Tổ G, thôn M, phường H, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

3. Bà **Trần Thị D1**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **Tổ E, thôn Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Huỳnh N1**, sinh năm 1990; Địa chỉ: **I Hồ N, phường C, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

2. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **A N, phường H, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

3. Ông **Đinh Văn R**, sinh năm 1965; Địa chỉ: **C H, phường H, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

3. Em **Nguyễn Thanh Q**, sinh ngày 30/11/2008; Địa chỉ: **K H, phường H, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

Người đại diện hợp pháp của em **Nguyễn Thanh Q** là ông **Nguyễn Thanh N2**, sinh năm 1982 và bà **Phạm Thị Tuyết C1**, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: **K H, phường H, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

4. Em **Nguyễn Trần Hữu T1**, sinh ngày 22/7/2008; Địa chỉ: **Tổ B, thôn T, xã B, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

Người đại diện hợp pháp của em **Nguyễn Trần Hữu T1** là ông **Nguyễn T2**, sinh năm 1985 và bà **Trần Thị Trúc H1**, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: **Tổ B, thôn T, xã B, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

5. Bà **Trần Thị Trúc H1**, sinh năm 1986; Địa chỉ: **Tổ B, thôn T, xã B, thành phố Đà Nẵng**; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 19/7/2025 đến 02/8/2025, **Hồ Trần Tiến Đ** chuẩn bị công cụ (cờ lê) cùng **Phạm Đắc N** đã bàn bạc và thống nhất chuẩn bị công cụ để đi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần 01: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 19/7/2025, **Đ** điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade, biển số 43G1-499.85 chở **N** đến khu vực **đường K, phường H, thành phố Đà Nẵng**, phát hiện xe tải màu xanh, biển số 43C-221.24 của anh **Bùi Văn T** để trên lề đường, không có người trông giữ. **Đ** và **N** dùng cờ lê tháo bình ác quy hiệu Dongnai N85ĐN. Sau đó, đem đến **Tiệm P - số I Hồ N, phường C, TP.** bán cho bà **Nguyễn Thị Huỳnh N1** với giá 340.000 đồng. Bà **N1** đã bán lại cho bà

Nguyễn Thị H sau đó bà H đã bán cho người khác không rõ nhân thân, lai lịch. Số tiền trên Đ và N đã tiêu xài cá nhân hết. Tài sản không thu hồi được

ngày 29/9/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, U, kết luận:
01 Bình ắc quy nêu trên có trị giá 1.850.000 đồng.

Lần 02: Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 02/8/2025, Hồ Trần Tiến Đ điều khiển xe mô tô trên chỗ Phạm Đắc N đến trước khu dân cư T (gần Cầu Đ), thôn Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng, phát hiện xe đạp điện Ashahi, màu xanh của chị Trần Thị D1, không có người trông gi. Đ và N trộm cắp xe, đi đến ngã ba đường A - B, phường H thì bị lực lượng tuần tra Công an phường H nghi vấn nên mời về trụ sở làm việc, cả hai đã khai nhận hành vi trộm cắp như trên.

ngày 29/9/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, U, kết luận:
Xe đạp điện trên có trị giá 3.000.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng 02 giờ 30 phút ngày 29/7/2025, Đ và N rủ Nguyễn Thanh Q, Nguyễn Trần Hữu T1 đi trộm cắp tài sản. Đ điều khiển xe mô tô trên chỗ N, T1 điều khiển xe mô tô Vario, màu xanh đen, biển số 92M1-278.35 chở Q đến đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng, phát hiện xe ô tô tải, biển số 43C-122.20 của anh Đào Đình C đang đậu trên vỉa hè, không có người trông giữ. N và T1 đứng ngoài cảnh giới cho Đ và Q dùng cờ lê tháo bình ắc quy hiệu GS tough màu xanh và ắc quy hiệu Dongnai 12V 90Ah, CMF105D31L màu đen. Cả nhóm đem hai bình ắc quy đến tiệm P1 - Số C H, phường H, TP . bán cho anh Đình Văn R với giá 520.000 đồng. Anh R đã bán lại cho chị Nguyễn Thị H. Số tiền có được cả hai chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Tài sản đã thu hồi.

ngày 29/9/2025, của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS, U, kết luận:
02 Acquy trên có tổng trị giá 1.300.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ:

- **Nguyễn Thị H:**

+ 01 bình điện A, nhãn hiệu Dongnai, màu đen, tay cầm màu trắng, 12v-90Ah.

+ 01 bình điện Acquy nhãn hiệu GS, màu xanh, tay cầm màu vàng.

- **Nguyễn Hữu Trần T3:** 01 xe mô tô nhãn hiệu Vario, màu xanh đen, biển số 92M1-278.95.

+ 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen vàng, biển số 43G1-499.85, số khung RLHJK1408NZ207995, số máy JK14E0024216, dung tích xi lanh 124,8cm³.

+ 01 xe đạp điện nhãn hiệu Asahi, màu xanh.

+ 01 Cờ lê, hai đầu miệng 8 và 12mm.

+ 01 Cờ lê, hai đầu miệng 10 và 11mm.

+ 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 11mm.

+ 02 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 13mm.

+ 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 14mm.

- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 15mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 16mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 17mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 17mm và miệng 17mm bị gãy.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 18mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng 17 và 19mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 19mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 22mm.

Quá trình điều tra, các bị cáo **Hồ Trần Tiến Đ** và **Phạm Đắc N** đã thành khẩn khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như trên. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các chứng khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị HĐXX căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo **Hồ Trần Tiến Đ**, **Phạm Đắc N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xử phạt bị cáo **Hồ Trần Tiến Đ** mức án tù 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) để xử phạt bị cáo **Phạm Đắc N** mức án tù 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 92M1-278.35: Thuộc sở hữu của bà **Trần Thị Trúc H1**. **T3** tự ý lấy xe đi và trộm cắp tài sản. Bà **H1** không biết và không liên quan đến hành vi trộm cắp của **T3**, nên Cơ quan CSĐT **Công an T4** trả lại xe trên cho bà **H1**.

- Cơ quan CSĐT **Công an T4** đã trả lại cho các bị hại:

- + **Trần Thị D1**: 01 xe đạp điện nhãn hiệu Asahi, màu xanh.
- + **Đào Đình C**: 01 bình điện Ac quy, nhãn hiệu Dongnai, màu đen, tay cầm màu trắng, 12v-90Ah; 01 bình điện Ac quy nhãn hiệu GS, màu xanh, tay cầm màu vàng.

- Chuyển Phòng Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng - Khu vực 1 bảo quản, chờ xử lý:

+ 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen vàng, biển số 43G1-499.85, số khung RLHJK1408NZ207995, số máy JK14E0024216, dung tích xi lanh 124,8cm³, đứng tên **Hồ Trần Tiến Đ**.

- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng 8 và 12mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng 10 và 11mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 11mm.
- + 02 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 13mm.

- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 14mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 15mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 16mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 17mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 17mm và miệng 17mm bị gãy.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 18mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng 17 và 19mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 19mm.
- + 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 22mm.

Về dân sự: Bị hại **Bùi Văn T** yêu cầu bồi thường 1.850.000 đồng; **Đào Đình C** đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và yêu cầu bồi thường thêm số tiền 3.400.000 đồng (là tiền **C** đã mua hai bình điện mới sau khi bị mất trộm); **Trần Thị D1** đã nhận lại tài sản chiếm. Các bị hại đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố T4**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 19/7/2025 đến ngày 02/8/2025, trên địa bàn **phường H, thành phố Đà Nẵng**, **Hồ Trần Tiến Đ** và **Phạm Đắc N** đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất chuẩn bị công cụ và trộm cắp tài sản của các bị hại, gồm: **Bùi Văn T**: 01 bình Acquy, trị giá 1.850.000 đồng; **Đào Đình C**: 02 bình Acquy, trị giá 1.300.000 đồng; **Trần Thị D1**: 01 xe đạp điện trị giá 3.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt 6.150.000 đồng. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 18/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng truy tố đối với các bị cáo **Hồ Trần Tiến Đ** và **Phạm Đắc N** là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Là thanh niên đang trong độ tuổi có đầy đủ sức lao động nhưng các bị cáo không chịu kiểm điểm bằng sức lao động chân chính mà lại đi lang thang tìm kiếm sự sơ hở và mất cảnh giác của người khác để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, đáng lẽ ra các bị cáo phải cố gắng trao dồi đạo đức và kỹ năng sống để tốt hơn và sống có ích cho xã hội thì các bị cáo vì muốn có nhiều tiền để tiêu xài lại thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản để phục vụ cho nhu cầu của bản thân. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo phải bị xử phạt, cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân của từng bị cáo thì thấy:

Các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, cùng nhau bàn bạc, thống nhất về thời gian, địa điểm, phân công vai trò rõ ràng nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Có tổ chức” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này vài trò của bị cáo **N** là người khởi xướng rủ rê và chuẩn bị công cụ dụng cụ; khi đến nơi phát hiện tài sản trộm cắp thì các bị cáo phân công người thực hiện và người canh giới sau đó cả hai bị cáo cùng nhau đi bán tài sản trộm cắp và chia nhau khoản tiền có được để tiêu xài cá nhân nên hình phạt đối với bị cáo Nam cao hơn bị cáo **D**.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt đồng thời trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ khi lượng hình cho các bị cáo.

Sau khi phân tích, đánh giá vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và để tạo điều kiện cho các bị cáo sớm được trở về với gia đình, tái hòa nhập và trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen vàng, biển số 43G1-499.85, số khung RLHJK1408NZ207995, số máy JK14E0024216, dung tích xi lanh 124,8cm³, đứng tên **Hồ Trần Tiến Đ** là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 Cờ lê, hai đầu miệng 8 và 12mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng 10 và 11mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 11mm; 02 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 13mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 14mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 15mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 16mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 17mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 17mm và miệng 17mm bị gãy; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 18mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng 17 và 19mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 19mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 22mm là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Toàn bộ vật chứng này hiện nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/01/2026.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

[9] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa hôm nay là phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố các bị cáo **Hồ Trần Tiến Đ, **Phạm Đắc N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”**

1. Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Hồ Trần Tiến Đ** 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Đắc N** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

II. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen vàng, biển số 43G1-499.85, số khung RLHJK1408NZ207995, số máy JK14E0024216, dung tích xi lanh 124,8cm³, đứng tên **Hồ Trần Tiến Đ** là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 Cờ lê, hai đầu miệng 8 và 12mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng 10 và 11mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 11mm; 02 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 13mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 14mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 15mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 16mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 17mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 17mm và miệng 17mm bị gãy; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng

18mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng 17 và 19mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 19mm; 01 Cờ lê, hai đầu miệng vòng 22mm là vật chứng vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Toàn bộ vật chứng này hiện nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/01/2026.

III. Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí HSST các bị cáo **Hồ Trần Tiến Đ, Phạm Đắc N** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

IV. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân khu vực 1- Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1 - Công an TPĐN;
- Phòng HSNV Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng Cảnh sát THAHS và Hỗ trợ Tư pháp Công an TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM THỊ NGỌC HÀ

1